

THÀNH PHẦN LOÀI THÚ NHỎ (BỘ RODENTIA VÀ BỘ INSECTIVORA) Ở VƯỜN QUỐC GIA CHƯ MOM RAY

ABRAMOV A. V.⁽¹⁾, TRẦN QUANG TIẾN⁽²⁾, NGUYỄN QUỐC KHÁNH⁽²⁾

1. MỞ ĐẦU

Vườn Quốc gia (VQG) Chư Mom Ray có diện tích khoảng 56.621 ha nằm trên địa phận của 2 huyện Sa Thầy và Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Đây là VQG duy nhất của Việt Nam có ranh giới tiếp giáp với hai VQG của các nước bạn là Lào và Campuchia (VQG Virachey của Campuchia và Khu bảo tồn Đông Nam Ghong của Lào). Sự đa dạng của các sinh cảnh và địa hình tương đối phức tạp là điều kiện để hình thành sự đa dạng cao của nhiều loài thú nói chung và thú nhỏ nói riêng. Các nghiên cứu trước đây về khu hệ thú của VQG Chư Mom Ray cho thấy nơi đây là một trong những khu vực có mức độ đa dạng cao về thú của Việt Nam [2, 4]. Tuy nhiên, các loài thú nhỏ thuộc bộ Gặm nhấm (Rodentia) và bộ Ăn sâu bọ (Insectivora) chưa được nghiên cứu nhiều. Năm 2014, trong khuôn khổ nhiệm vụ khoa học của Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu thú nhỏ ở VQG Chư Mom Ray. Nhiệm vụ của nghiên cứu này là kiểm kê thành phần loài thú nhỏ thuộc bộ Gặm nhấm (Rodentia) và bộ Ăn sâu bọ (Insectivora); thu thập một số dẫn liệu về đặc điểm sinh học của các loài.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài thú nhỏ thuộc bộ Gặm nhấm (Rodentia) và bộ Ăn sâu bọ (Insectivora).

Địa điểm nghiên cứu: Các sinh cảnh chính của VQG Chư Mom Ray, gồm rừng lá rộng thường xanh, rừng lá rộng thường xanh hỗn giao tre nứa.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp thu thập tài liệu:** Thu thập các tài liệu nghiên cứu về khu hệ động vật có vú nhỏ tại VQG Chư Mom Ray.

- **Phương pháp phỏng vấn:** Sử dụng ảnh màu của các loài động vật cần nghiên cứu để phỏng vấn các cán bộ kiểm lâm của VQG và cư dân địa phương.

- **Phương pháp khảo sát thực địa:** Lập tuyến để khảo sát, mỗi tuyến dài 3-5 km cắt qua các sinh cảnh đã được chọn để nghiên cứu.

- **Phương pháp đặt bẫy:** Sử dụng bẫy chuyên dụng để thu mẫu vật các loài thú nhỏ. Thường xuyên kiểm tra bẫy và thay mồi mới vào 9h sáng hàng ngày. Mồi được sử dụng gồm các loại: Táo, chuối, xoài, khoai lang, sắn và cá khô. Đối với bộ Ăn sâu bọ, bẫy được đặt tại những nơi đất có lớp thảm mục dày và ẩm. Tổng cộng đã đặt 600 bẫy/đêm đối với nhóm Ăn sâu bọ và 1.200 bẫy/đêm đối với nhóm Gặm nhấm.

- **Phương pháp xử lý và bảo quản mẫu:** Các mẫu vật thu được sẽ được định tên khoa học và thả về tự nhiên ngay tại nơi bắt. Một số mẫu vật chưa thể xác định tên khoa học, sẽ được thu giữ với số lượng 3 mẫu/loài. Xử lý sơ bộ và ngâm bảo quản trong cồn 70° để phục vụ cho các nghiên cứu tiếp theo.

Danh lục các loài thuộc bộ Gặm nhấm được xây dựng theo hệ thống phân loại của Wilson et al. (2005) [15]. Danh lục các loài thú thuộc bộ Ăn sâu bọ được phân loại theo Abramov et al. (2013) [6].

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần loài thú nhỏ thuộc bộ Gặm nhấm và bộ Ăn sâu bọ

Các nghiên cứu về khu hệ thú nói chung trước đây ở VQG Chư Mom Ray cho thấy nhóm thú nhỏ có thành phần loài khá đa dạng và phong phú, đặc biệt đã ghi nhận được 44 loài thuộc bộ Gặm nhấm (Rodentia) và bộ Ăn sâu bọ [2, 4]. Nghiên cứu thực địa của chúng tôi tại VQG Chư Mom Ray đã thu được mẫu vật của 19 loài thuộc bộ Ăn sâu bọ và bộ Gặm nhấm. Tổng hợp kết quả nghiên cứu thực địa với các kết quả nghiên cứu trước đây đã công bố [2, 4] cho thấy, danh lục thành phần loài thú nhỏ thuộc 02 bộ Gặm nhấm và Ăn sâu bọ ghi nhận được ở VQG Chư Mom Ray hiện nay là 55 loài (bảng 1). Trong số 19 loài chúng tôi thu được ở Chư Mom Ray có 8 loài thuộc bộ gặm nhấm là: *Berylmys bowersi*, *Leopoldamys herberti*, *Leopoldamys revertens*, *Niviventer huang*, *Niviventer langbianis*, *Niviventer niviventer*, *Niviventer tenaster* và *Tamiops maritimus*; 3 loài thuộc bộ ăn sâu bọ: *Chimarrogale varennei*, *Crocidura tanakae* và *Crocidura phanluongi* là các loài trước đây chưa được ghi nhận trong khu hệ thú của VQG Chư Mom Ray.

Bảng 1. Thành phần loài thú bộ Ăn sâu bọ và bộ Gặm nhấm của VQG Chư Mom Ray

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Ghi chú
	INSECTIVORA	BỘ ĂN SÂU BỌ	
	Soricidae G. Fischer, 1814	Họ Chuột chù	
1	<i>Chimarrogale platycephala</i> (Temminck, 1842)	Chuột chù nước miền Nam	
2	<i>Chimarrogale varennei</i> (Thomass, 1927)	Chuột chù nước	*
3	<i>Crocidura attenuata</i> (Milne-Edwards, 1872)	Chuột chù đuôi đen	
4	<i>Crocidura phanluongi</i> (Jenkins, Abramov, Rozhnov & Olsson, 2010)	Chuột chù phan lương	*
5	<i>Crocidura tanakae</i> (Kuroda, 1938)	Chuột chù dài loan	*
6	<i>Crocidura dracula</i> (Thomas, 1912)	Chuột chù đuôi trắng	
7	<i>Hylomys suillus</i> (Muller, 1840)	Chuột voi	
8	<i>Suncus murinus</i> (Linnaeus, 1766)	Chuột chù nhà	
	Talpidae G. Fischer, 1814	Họ Chuột chũi	
9	<i>Euroscaptor parvident</i> (Miller, 1940)	Chuột chũi răng nhỏ	
10	<i>Parascaptor leucura</i> (Blyth, 1850)	Chuột chũi	

	RODENTIA Bowdich, 1821	BỘ GẬM NHẮM	
	Sciuridae Gray, 1821	Họ Sóc Cây	
11	<i>Callosciurus finlaysonii</i> (Horsfield, 1823)	Sóc đỏ	
12	<i>Callosciurus flavimanus</i> Geoffroy, 1831	Sóc chân vàng	
13	<i>Dremomys rufigenis</i> (Blanford, 1878)	Sóc mõm hung	
14	<i>Menetes berdmorei</i> (Blyth, 1849)	Sóc vằn lưng	
15	<i>Ratufa bicolor</i> (Sparrman)	Sóc đen	
16	<i>Tamiops rodolpheii</i> (Milne-Edwards, 1867)	Sóc chuột lừa	
17	<i>Tamiops maritimus</i> (Bonhote, 1900)	Sóc chuột hải nam	*
	Pteromyidae Brand, 1855	Họ Sóc bay	
18	<i>Hylopetes alboniger</i> (Hodgson, 1836)	Sóc bay đen trắng	
19	<i>Hylopetes phayrei</i> (Blyth, 1859)	Sóc bay bé	
20	<i>Hylopetes spadiceus</i> (Blyth, 1847)	Sóc bay bé	
21	<i>Petaurista elegans</i> (Muller, 1839)	Sóc bay sao	
22	<i>Petaurista philippensis</i> (Elliot, 1839)	Sóc bay trâu	
	Spalacidae Gray, 1821	Họ Dúi	
23	<i>Rhizomys pruinosus</i> (Blyth, 1851)	Dúi mốc lớn	
24	<i>Rhizomys sumatrensis</i> (Raffles, 1821)	Dúi má vàng	
	Histricidae G. Fischer, 1817	Họ nhím	
25	<i>Hystrix klossi</i> (Thomas, 1916)	Nhím kloss	
26	<i>Atherurus macrourus</i> (Linnaeus, 1758)	Đon	
	Muridae Illiger, 1811	Họ Chuột	
27	<i>Bandicota indica</i> (Bechstein, 1800)	Chuột đất lớn	
28	<i>Berylmys berdmorei</i> (Blyth, 1851)	Chuột mốc bé	*
29	<i>Berylmys bowersi</i> (Anderson, 1879)	Chuột mốc lớn	
30	<i>Chiropodomys gliroides</i> (Blyth, 1856)	Chuột nhắt cây	
31	<i>Hapalomys delacouri</i> (Thomas, 1927)	Chuột vàng	
32	<i>Leopoldamys herberti</i> (Kloss, 1916)	-	*
33	<i>Leopoldamys revertens</i> (Robinson and Kloss 1992)	-	*
34	<i>Maxomys moi</i> (Robinson et Kloss, 1922)	Chuột xu-ri lông mềm	
35	<i>Maxomys surifer</i> (Miller, 1900)	Chuột su-ri	
36	<i>Mus caroli</i> (Bonhote, 1902)	Chuột nhắt đồng	
37	<i>Mus musculus</i> (Linnaeus, 1758)	Chuột nhắt nhà	
38	<i>Mus pahari</i> (Thomas, 1916)	Chuột nhắt đồng	
39	<i>Niviventer bukit</i> (Bonhote, 1903)	Chuột bukit	

40	<i>Niviventer fulvescens</i> (Gray, 1847)	Chuột hươu bé	
41	<i>Niviventer huang</i> (Bonhote, 1905)	Chuột huang	*
42	<i>Niviventer langbianis</i> (Robinson & Kloss, 1922)	Chuột lang bi an	*
43	<i>Niviventer niviventer</i> (Hodgenson, 1836)	-	*
44	<i>Niviventer tenaster</i> (Thomas, 1916)	Chuột núi đông dương	*
45	<i>Rattus andamanensis</i> (Blyth, 1860)	Chuột rừng đông dương	
46	<i>Rattus argentiventer</i> (Robinson et Kloss, 1916)	Chuột bụng bạc	
47	<i>Rattus cremoriventer</i> (Miller, 1900)	Chuột bụng kem	
48	<i>Rattus exulans</i> (Peale, 1848)	Chuột lắt	
49	<i>Rattus flavipectus</i> (Milne - Edwards, 1871)	Chuột nhà	
50	<i>Rattus koratensis</i> (Kloss, 1919)	Chuột rừng	
51	<i>Rattus losea</i> (Swinhoe, 1870)	Chuột đồng bé	
52	<i>Rattus nitidus</i> (Hodgson, 1845)	Chuột bóng	
53	<i>Rattus rattus</i> (Linnaeus, 1758)	Chuột thường	
54	<i>Rattus molliculus</i> (Robinson et Kloss, 1922)	Chuột đàn bé	
55	<i>Rattus tanezumi</i> (Temminck, 1844)	Chuột nhà	

Ghi chú: *: Loài bổ sung thêm cho danh lục thú của VQG Chư Mom Ray

* **Bộ Gặm nhấm:** Theo thống kê ở Việt Nam bộ Gặm nhấm có khoảng 64 loài thuộc 7 họ và 26 giống [5]. Kết quả nghiên cứu chúng tôi đã ghi nhận được 15 loài thuộc 3 họ và 7 giống. Bổ sung thêm 8 loài cho danh lục thú gặm nhấm của VQG Chư Mom Ray là: *Berylmys bowersi*, *Leopoldamys herberti*, *L. revertens*, *Niviventer huang*, *N. langbianis*, *N. niviventer*, *N. tenaster* và *Tamias maritimus*. Như vậy, khu hệ thú gặm nhấm của VQG Chư Mom Ray hiện tại có khoảng 45 loài thuộc 5 họ và 19 giống, chiếm 70,3% số loài, 73,1% số giống và 57,1% số họ đã được ghi nhận ở Việt Nam. Cụ thể:

- Họ Sóc cây (Sciuridae) và họ Sóc bay (Pteromyidae) gồm 12 loài, 7 giống chiếm 52,2% số loài và 77,8% số giống đã được ghi nhận ở Việt Nam.

- Họ Dúi (Spalacidae) gồm 2 loài: *Rhizomys pruinosus* (dúi mốc lớn) và *Rhizomys sumatrensis* (dúi má vàng).

- Họ Nhím (Hystriidae) gồm 2 loài: *Acanthion klossi* (nhím kloss) và *Atherurus macrourus* (Đon).

- Họ Chuột gồm 25 loài, 9 giống, chiếm 71,4% tổng số loài và 69,2% số giống và phụ giống đã được ghi nhận ở Việt Nam.

Trong số 8 loài được bổ sung cho danh lục, đáng chú ý là 2 loài *Leopoldamys herberti* và *Leopoldamys revertens*. Theo các tài liệu trước đây, ở Việt Nam giống *Leopoldamys* chỉ có 2 loài là: *L. edwardsi* và *L. sabanus* [1]. Các nghiên cứu gần đây về sinh học phân tử ADN của các loài thuộc giống *Leopoldamys* cho thấy ở Việt Nam có thêm 2 loài nữa là: *L. herberti* và *L. revertens*. Trong đó loài *L. herberti* phân bố rộng ở vùng đồng bằng và vùng đồi núi thấp của Việt Nam như Hà Tĩnh, Sơn La, Vĩnh Phúc (độ cao khoảng 600 m so với mực nước biển); Loài *L. revertens* đã được ghi nhận ở Thái Lan, Miền Bắc Việt Nam, Lào, Nam và Tây Nam Campuchia [7]. Quá trình nghiên cứu ở VQG Chư Mom Ray, chúng tôi đã ghi nhận được 2 loài này trong sinh cảnh rừng cây lá rộng thường xanh ít chịu tác động bởi con người ở độ cao 700m so với mực nước biển. Đối với giống *Niviventer*, chúng tôi đã ghi nhận thêm 4 loài bổ sung cho danh lục thú của VQG Chư mom Ray. Như vậy, mức độ đa dạng thành phần loài của họ Chuột có thể được sắp xếp như sau: *Rattus* (11 loài), tiếp theo là *Niviventer* (6 loài), *Mus* (3 loài) và các giống còn lại có từ 1 - 2 loài.

*** Bộ Ăn sâu bọ:** Theo thống kê trên thế giới bộ Ăn sâu bọ có khoảng 500 loài thuộc 55 - 57 giống và 5 - 6 họ. Ở Việt Nam, bộ Ăn sâu bọ có khoảng 32 loài thuộc 3 họ, 12 giống đã được ghi nhận [6]. Kết quả nghiên cứu, chúng tôi ghi nhận được 4 loài của bộ Ăn sâu bọ thuộc họ Chuột chù (Soricidae) là: *Chimarrogale varennei*, *Crociodura tanakae*, *C. phanluongi* và *Hylomys suillus*. Bổ sung thêm cho danh lục thú nhỏ của VQG Chư Mom Ray 3 loài là: *Chimarrogale varennei*, *Crociodura tanakae* và *Crociodura phanluongi*. Tổng hợp với các kết quả nghiên cứu trước đây [2, 4], cho đến thời điểm hiện tại khu hệ thú nhỏ thuộc bộ Ăn sâu bọ của VQG Chư Mom Ray đã ghi nhận được 10 loài, trong đó có 8 loài thuộc họ Chuột chù (Soricidae) và 2 loài thuộc họ Chuột chũi (Talpidae), chiếm 31,25% số loài, 50% số giống và 66,7% số họ đã được ghi nhận ở Việt Nam. Trong số 3 loài bổ sung cho danh lục thú của VQG, đáng lưu ý là 2 loài *Chimarrogale varennei* và *Crociodura tanakae*. Loài *Chimarrogale varennei* còn gọi là Chuột chù nước, thích nghi với đời sống kiếm ăn dưới nước, thức ăn chủ yếu là các loài côn trùng trong nước và cá nhỏ. Đây là loài đã được ghi nhận tại huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum từ năm 1927 [13]. Theo các nhà nghiên cứu nước ngoài, *Chimarrogale varennei* còn được coi là đồng danh với loài *Chimarrogale himalayica* [9, 10]. Các nghiên cứu trong nước thì cho rằng *Chimarrogale varennei* là loài đồng danh với *Chimarrogale platycephala* và đã liệt kê chúng trong danh lục các loài động vật Việt Nam với tên *Chimarrogale platycephala* [3, 4]. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về nguồn gốc phát sinh các loài của giống *Chimarrogale* dựa trên phân tích *cytochrome b* cho thấy có 3 phân loài của *Chimarrogale platycephala* phải được coi là những loài riêng biệt. Ở phần lãnh thổ phía Nam Trung Quốc và Việt Nam thì quần thể này là loài *Chimarrogale varennei* [14]. Tại VQG Chư Mom Ray chúng tôi đã ghi nhận được 1 cá thể loài *Chimarrogale varennei* tại khu vực khe suối gần trạm kiểm lâm Bar Gốc ở độ cao khoảng 760m so với mực nước biển.

Đối với giống *Crocidura*, loài *Crocidura tanakae* mặc dù là loài phổ biến ở Việt Nam, nhưng trong một số ít trường hợp còn hay nhầm với loài *Crocidura attenuata*. Ở Việt Nam loài *Crocidura attenuata* đã được xác định không gian địa lý phân bố bởi nhiều tác giả trong và ngoài nước [3, 10, 11, 12]. Đặc biệt, các nghiên cứu về sinh học phân tử ADN của các loài thuộc giống *Crocidura* gần đây đã chỉ rõ: Loài *Crocidura attenuata* chỉ phân bố ở phía Bắc của Việt Nam, các phần còn lại của lãnh thổ Việt Nam là loài *Crocidura tanakae* [8]. So với các giống khác thuộc bộ Ăn sâu bọ của VQG Chư Mom Ray thì *Crocidura* là giống chiếm ưu thế nhất về số lượng loài. Chúng thường bắt gặp dưới các tán rừng có tầng đất và thảm mục dày, độ ẩm cao, trong các sinh cảnh rừng lá rộng hỗn giao tre nứa dọc theo khe suối ở độ cao khoảng 650m trở lên.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực địa cùng với tổng hợp tài liệu đã xây dựng được danh lục với 55 loài thú nhỏ thuộc bộ Gặm nhấm và bộ Ăn sâu bọ ở VQG Chư Mom Ray, cụ thể:

- Bộ Ăn sâu bọ: Đã ghi nhận được 10 loài trong đó có 8 loài thuộc họ Chuột chù (Soricidae) và 2 loài thuộc họ Chuột chũi (Talpidae) chiếm 31,25% số loài, 50% số giống và 66,7% số họ đã được ghi nhận ở Việt Nam. Trong đó bổ sung thêm cho danh lục thú của VQG Chư Mom Ray 3 loài thuộc bộ Ăn sâu bọ là: *Chimarrogale varennei*, *Crocidura tanakae*, *Crocidura phanluongi*.

- Bộ Gặm nhấm: Đã ghi nhận được 45 loài thuộc 4 họ và 19 giống, chiếm 62,5% số loài, 73,1% số giống và 57,1% số họ đã được ghi nhận ở Việt Nam. Trong đó có 8 loài được ghi nhận, bổ sung thêm cho danh lục thú của VQG Chư Mom Ray là: *Berylmys bowersi*, *Leopoldamys herberti*, *Leopoldamys revertens*, *Niviventer huang*, *Niviventer langbianis*, *Niviventer niviventer*, *Niviventer tenaster* và *Tamiops maritimus*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, *Sách Đỏ Việt Nam, Phần I - Động vật*, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2007.
2. Lê Xuân Cảnh, Đặng Huy Phương, Nguyễn Trường Sơn, *Các loài thú ghi nhận được ở Vườn Quốc Gia Chư Mom Ray và Khu Bảo Tồn Thiên Nhiên sông Thanh*, Báo cáo Khoa học về Sinh thái & Tài nguyên Sinh vật, Nxb. Nông Nghiệp, Hà Nội, 2011, tr.47-55.

3. Đặng Huy Huỳnh, Đào Văn Tiến, Cao Văn Sung, Phạm Trọng Ảnh, Hoàng Minh Khiên, *Danh lục các loài thú (Mammalia) Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1994.
4. Đặng Huy Huỳnh, *Hiện trạng đa dạng khu hệ thú (mammalia) ở Vườn Quốc Gia Chư Mom Ray huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum*, Báo cáo Khoa học về Sinh thái & Tài nguyên Sinh vật, Nxb. Nông Nghiệp, Hà Nội, 2005, tr.339-347.
5. Đặng Huy Huỳnh, Cao Văn Sung, Lê Xuân Cảnh, Phạm Trọng Ảnh, Nguyễn Xuân Đăng, Hoàng Minh Khiên, Nguyễn Minh Tâm, *Động vật chí Việt Nam, Tập 25, Lớp Thú - Mammalia*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2008, 362tr.
6. Abramov A. V., Dang Ngoc Can, Bui Tuan Hai & Nguyen Truong Son, *An annotated checklist of the insectivores (Mammalia, Lipotyphla) of Vietnam*, Russian J. Theriol, 2013, **12**(2):57-70.
7. Balakirev A. E., Abramov A. V., Rozhnov V. V., *Revision of the genus Leopoldamys (Rodentia, Muridae) as inferred from morphological and molecular data, with a special emphasis on the species composition in continental Indochina*, Zootaxa, 2013, **3640**(4):521-549.
8. Bannikova A. A., Abramov A. V., Borisenko A. V., Lebedeo V. S., Rozhov V. V., *Mitochondrial diversity of the white-toothed shrew (Mammalia, Eulipotyphla, Crocidura) in Vietnam*, Zootaxa, 2011, 2818:1-20.
9. Corbet G. B. & Hill J. E., *The Mammals of the Indomalayan Region: a Systematic Review*, Oxford: Oxford University Press, 1992, 488p.
10. Hutterer R., *Order Erinaceomorpha, Order Soricomorpha*, Wilson D. E. & Reeder D. M. (eds), *Mammals Species of the World, A taxonomic and Geographic Reference*, Third edition. Baltimore: The Johns Hopkins University Press, 2005, p.212-311.
11. Jenkins P. D., Lunde D. P., & Moncrieff C. B., *Chapter 10. Descriptions of new species of Crocidura (Soricomorpha: Soricidae) from mainland Southeast Asia, with synopress of previously described species and remarks on biogeography*, Voss R. S. & Carleton M. C. (eds), *Systematic Mammalogy: Contributions in Honour of Guy G. Musser*, Bulletin of the American Museum of Nature History, 2009, **331**, p.356-405.
12. Kuznetsov G. V., *Mammal of Vietnam*, Moscow: KMK Scientific Press Ltd., 2006, 420p. (in Russian).
13. Thomas O., *The Delacour exploration of French Indochina-Mammals*, Proceedings of the Zoological Society of London, 1927, **97**(1):41-58.

14. Yuan S. L., Jiang X. L., Li Z. J., He K., Harada M., Oshida T. & Lin L. K., *A mitochondrial phylogeny and biogeographical scenario for Asiatic water shrews of the genus Chimarrogale: implications for taxonomy and low-latitude migration routes*, PloS ONE, 2013, **8**(10):e 77156.
15. Wilson D. E., Reeder D. M. (eds), *Mammal species of the world: a taxonomic and geographic reference*, 3rd edition, Baltimore: Johns Hopkins University Press, 2005, **1&2**, 2141p.

SUMMARY

SPECIES COMPOSITION OF SMALL MAMMALS (RODENTIA AND INSECTIVORA) IN CHU MOM RAY NATIONAL PARK

The studies on small mammals in the Chu Mom Ray national park in 2014 have found about 55 species among which 45 species belong to Rodentia including 5 families and 19 genus and 10 species belong to Insectivora including 2 families and 6 genus. This research has added 11 species to the animal checklist of Chu Mom Ray national park including 8 rodents and 3 insectivorous species. The rodent species are: *Berylmys bowersi*, *Leopoldamys herberti*, *Leopoldamys revertens*, *Niviventer huang*, *Niviventer langbianis*, *Niviventer niviventer*, *Niviventer tenaster*, *Tamiops maritimus* and the insectivorous species are: *Chimarrogale varennei*, *Crocidura tanakae*, *Crocidura phanluongi*.

Từ khóa: Chu Mom Ray, thành phần loài, thú nhỏ, Insectivora, Rodentia, species composition, small mammals.

Nhận bài ngày 16 tháng 3 năm 2015

Hoàn thiện ngày 12 tháng 5 năm 2015

⁽¹⁾ Viện Động vật Xanh-pê-téc-bua

⁽²⁾ Viện Sinh thái nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga